

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 517/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13-7-2022
V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Cẩm Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Hoàng Thái

2/ Ông Trần Công Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Mai Chi - *Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.*

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Hà – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 7 năm 2022 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 277/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trương Quốc Vũ Trường G, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp BT, xã BT, huyện CT, Tiền Giang.

- Bị đơn: Bùi Thị Cẩm A, sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp VH, xã VK, huyện CT, Tiền Giang.

(Có mặt anh G và chị A)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 07-3-2022, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Trương Quốc Vũ Trường G trình bày:***

Anh Trương Quốc Vũ Trường G và chị Bùi Thị Cẩm A tự nguyện chung sống từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Trung,

huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Từ khi kết hôn, anh G và chị A chung sống hạnh phúc cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng thường cự cãi vì những vấn đề rất nhỏ nhặt nhưng chị A thường lớn tiếng, khi cha ruột của anh G nhắc nhở thì chị A vẫn không thay đổi mà vẫn lớn tiếng cự cãi với anh G. Năm 2021, anh G đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị A tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nhưng anh đã rút yêu cầu khởi kiện để cho cơ hội vợ chồng hàn gắn, cùng lo cho con. Tuy nhiên, anh G và chị A đã nhiều lần hòa giải mong hàn gắn tình cảm nhưng không thành và thường xuyên cự cãi hơn trước. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên anh G yêu cầu được ly hôn với chị A.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Bùi Minh L, sinh ngày 27/01/2016. Khi ly hôn, anh G đồng ý để chị A được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, anh G tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai ngày 05-05-2022, quá trình giải quyết vụ án bị đơn Bùi Thị Cẩm A trình bày:*

Chị A thống nhất lời trình bày của anh G về thời gian cưới, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là giữa chị A và cha chồng vì cha chồng không có thiện cảm với chị A nên đã có những lời lẽ không hay với chị; giữa chị và anh G cũng có cự cãi nhưng chỉ khoảng 10 ngày/lần, nguyên nhân cự cãi là do anh G không quan tâm nhiều đến chị A và con, khi vợ chồng cự cãi thì cha chồng can thiệp nhưng anh G không bảo vệ chị; ngoài ra chị A còn nghi ngờ anh G có quan hệ tình cảm với người khác. Năm 2021, anh G có nộp đơn ly hôn nhưng đã cho cơ hội hàn gắn, trong thời gian hàn gắn chị đã cố gắng thay đổi rất nhiều nhưng nay anh G vẫn yêu cầu ly hôn. Sau khi Tòa án hòa giải và cho thời gian để vợ chồng hàn gắn nhưng đến nay vợ chồng vẫn chưa thể hàn gắn được chủ yếu là do anh G không thay đổi, không quan tâm đến vợ, đi làm về trễ hoặc cả đêm không về nhà mà không báo với chị, vẫn quản lý điện thoại của chị và đặt mật khẩu riêng điện thoại của anh G, trong thời gian này chị có ra nhà trọ ở

cùng với bạn để tránh mặt nhằm không cự cãi với anh G. Nay chị không đồng ý ly hôn với anh G mong muốn vợ chồng hàn gắn để cùng lo cho con. Về phương án hàn gắn, chị A cho rằng bản thân anh G phải quan tâm vợ con hơn, ngoài ra chị không có phương án hàn gắn nào khác.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Bùi Minh L, sinh ngày 27/01/2016. Khi ly hôn, chị A yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn Trương Quốc Vũ Trường G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các ý kiến đã trình bày, cương quyết ly hôn với bị đơn Bùi Thị Cẩm A.

Bị đơn Bùi Thị Cẩm A giữ nguyên ý kiến đã trình bày và thừa nhận từ sau khi anh G rút đơn xin ly hôn vào năm 2021, cho đến nay thì giữa chị và anh G thường xuyên cự cãi hơn trước do anh G và chị A có nghi ngờ tình cảm của nhau. Về phương án hàn gắn, chị A cho rằng bản thân anh G phải quan tâm vợ con hơn, ngoài ra chị không có phương án hàn gắn nào khác.

** Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ quy định Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Trương Quốc Vũ Trường G: Cho anh Trương Quốc Vũ Trường G và chị Bùi Thị Cẩm A ly hôn; Về nuôi con chung nhằm đảm ổn định cuộc sống cho cháu Trương Bùi Minh L, đề nghị giao con chung cho chị Bùi Thị Cẩm A tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận anh Trương Quốc Vũ Trường G tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng; tài sản chung và nợ chung không xem xét do các bên không tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Trương Quốc Vũ Trường G yêu cầu ly hôn với bị đơn Bùi Thị Cẩm A có nơi cư trú tại ấp VH, xã VK, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang theo qui định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Trương Quốc Vũ Trường G và chị Bùi Thị Cẩm A xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2012 là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của anh G đối với chị A, Hội đồng xét xử thấy rằng: mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng trong thời gian chung sống, anh G và chị A lại phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, nghi ngờ tình cảm của nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có sự gắn kết. Năm 2021, anh G đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị A tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nhưng anh đã rút yêu cầu khởi kiện để cho cơ hội vợ chồng hàn gắn, cùng lo cho con; tuy nhiên, tình cảm giữa anh G và chị A lại không hàn gắn được mà còn thường xuyên cự cãi hơn trước. Quá trình làm việc, Tòa án đã kiên trì hòa giải nhiều lần, tạo cơ hội để vợ chồng hàn gắn nhưng anh G xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị A không còn, không thể sống chung được nữa nên anh G vẫn kiên quyết xin được ly hôn với chị A. Mặc dù, chị A không đồng ý ly hôn nhưng chị A lại không đưa ra biện pháp cụ thể nào để thể hiện anh chị muốn hàn gắn lại với nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn trong hôn nhân của anh chị đã rất trầm trọng, cuộc sống chung của anh chị là không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh G đối với chị A.

[3] Về con chung: Cháu Trương Bùi Minh L chưa đủ 18 tuổi nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của cha hoặc mẹ. Giữa anh G và chị A đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận, giao con chung tên Trương Bùi Minh L, sinh ngày

27/01/2016 cho chị A được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh G tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng, thời gian thực hiện từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, lao động được. Anh G có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí thì anh G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- *Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;*
- *Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;*
- *Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;*

Xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Trương Quốc Vũ Trường G.

1/ Về hôn nhân: Nguyên đơn Trương Quốc Vũ Trường G được ly hôn với bị đơn Bùi Thị Cẩm A.

2/ Về con chung: Giao cháu Trương Bùi Minh L, sinh ngày 27/01/2016 cho chị Bùi Thị Cẩm A được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Anh Trương Quốc Vũ Trường G tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng, thời gian thực hiện từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, lao động được.

Anh Trương Quốc Vũ Trường G có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3/ Về án phí: Nguyên đơn Trương Quốc Vũ Trường G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh đã tạm nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0020269 ngày 13/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, nên xem như nộp xong án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn Trương Quốc Vũ Trường G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

5/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi Cục THADS huyện Châu Thành, TG;
- UBND xã Bình Trung, CT, TG;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Bùi Thị Cẩm Loan